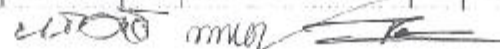
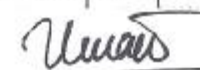


TRƯỜNG DLX A TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI (XÉT TUYỂN BỔ SUNG LẦN 3)

* Ngành D340404 Đại học Quản trị nhân lực

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
1	KHA.A 00654	Phạm Vũ Hồng	Anh	31/10/94	Nữ	TP.Thái Nguyên		2	12.10. 00603	D340404	5.50	4.75	5.50	15.75	16.00	TT
2	CSH.A 00180	Nguyễn Khắc	Chí	07/08/93		Thị xã Cửa Lò		2	29.29. 00000	D340404	3.25	6.50	6.00	15.75	16.00	TT
3	HTC.A 01185	Hoàng Thị	Dung	14/06/94	Nữ	Huyện Sóc Sơn		2	01.87. 00630	D340404	6.00	5.75	5.50	17.25	17.50	TT
4	TMA.A 22196	Lê Thị	Dung	28/01/94	Nữ	Thị xã Cẩm Phả		2	17.16. 00295	D340404	6.00	5.00	4.00	15.00	15.00	TT
5	TMA.A 02808	Nguyễn Việt	Dũng	05/11/94		Quận Ba Đình		2	01.64. 03039	D340404	5.50	5.25	4.50	15.25	15.50	TT
6	LPH.A 02716	Nguyễn Thuý	Dương	23/08/94	Nữ	Thành phố Hà Long		2	17.04. 00011	D340404	7.75	5.50	3.50	16.75	17.00	TT
7	TMA.A 04114	Chu Thu	Hà	25/06/94	Nữ	Huyện Văn Giang		2NT	22.57. 00687	D340404	5.50	6.50	3.75	15.75	16.00	TT
8	KHA.A 03217	Nguyễn Thuyết	Hằng	27/10/94	Nữ	Huyện Thanh Liêm		1	24.55. 10602	D340404	4.25	6.50	5.50	16.25	16.50	TT
9	TMA.A 05302	Nguyễn Thị Thuý	Hằng	10/12/94	Nữ	Huyện Kim Sơn		2NT	27.71. 00000	D340404	7.50	3.25	5.00	15.75	16.00	TT
10	KHA.A 03426	Đỗ Khắc	Hiếu	18/05/94		Huyện Trục Ninh		2NT	25.61. 00634	D340404	6.75	4.75	4.50	16.00	16.00	TT
11	LPH.A 05228	Võ Thị Minh	Huệ	03/10/93	Nữ	Thành phố Hà Tĩnh		2	30.09. 00236	D340404	8.00	3.00	5.25	16.25	16.50	TT
12	QHL.A 03904	Nguyễn Văn	Huy	07/07/94		Huyện Từ Liêm		2NT	99.99. 00000	D340404	6.00	4.75	4.50	15.25	15.50	TT
13	LPH.A 00900	Đoàn Khánh	Huyền	10/05/94	Nữ	Huyện Sóc Sơn		2	01.86. 00861	D340404	4.50	5.50	6.00	16.00	16.00	TT
14	LPH.A 00531	Hoàng Khánh	Huyền	01/09/94	Nữ	Quận Đống Đa		3	01.37. 00939	D340404	6.00	5.00	4.50	15.50	15.50	TT
15	QSK.A 01265	Trần Văn	Hùng	06/09/93		Huyện Kim Sơn		2NT	99.99. 00268	D340404	5.25	5.50	4.50	15.25	15.50	TT
16	TMA.A 08283	Ngô Thị	Hương	20/02/94	Nữ	Huyện Yên Định		2NT	28.94. 02069	D340404	5.75	3.50	5.00	14.25	14.50	TT
17	LPH.A 04595	Dương Khánh	Linh	27/09/94	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28.31. 00468	D340404	5.50	5.75	5.50	16.75	17.00	TT
18	NHH.A 03789	Vũ Phạm Lam	Linh	16/03/94	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.04. 00000	D340404	7.50	5.50	4.00	17.00	17.00	TT
19	TMA.A 11093	Vũ Thị	Lý	28/08/94	Nữ	Huyện Hoàng Hoá		2NT	28.76. 06141	D340404	7.50	3.75	4.50	15.75	16.00	TT
20	TMA.A 11106	Cao Thị Tuyết	Mai	07/07/93	Nữ	Huyện Đoàn Hùng		1	15.00. 00022	D340404	5.75	5.50	3.25	14.50	14.50	TT
21	HTC.A 05499	Lê Kiều	Minh	01/07/93	Nữ	Quận Thanh Xuân		3	99.99. 00587	D340404	4.00	7.50	5.00	16.50	16.50	TT
22	HTC.A 05806	Trần Thuyết	Nga	03/04/94	Nữ	Th. phố Tuyên Quang		1	09.10. 00072	D340404	5.25	4.75	4.75	14.75	15.00	TT
23	BKA.A 10436	Lợi Quang	Thịnh	02/02/93		Huyện Lạc Nam		1	18.05. 00002	D340404	4.25	5.00	5.00	14.25	14.50	TT
24	KHA.A 12982	Bùi Thị Bảo	Thoa	12/08/92	Nữ	Huyện Vĩnh Bảo		2	03.76. 00202	D340404	5.50	5.50	4.75	15.75	16.00	TT
25	TMA.A 17745	Ngô Thị Thanh	Thuý	28/11/94	Nữ	Huyện Hiệp Hoà		2NT	18.27. 00000	D340404	6.25	5.00	4.50	15.75	16.00	TT
26	NHH.A 06549	Nguyễn Sĩ	Tô	22/03/94	Nữ	Quận Hai Bà Trưng		3	01.07. 01638	D340404	6.00	5.50	5.50	17.00	17.00	TT

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2012
TRƯỜNG DLX A TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI (XÉT TUYỂN BỔ SUNG LẦN3)

* Ngành D340404 Đại học Quản trị nhân lực

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
27	KHA.A13039	Nguyễn Thị Kiều Trang	02/10/94	Nữ	Thị xã Cẩm Phả		2	17.14. 00013	D340404	5.75	5.25	5.50	16.50	16.50	TT
28	HTC.A08878	Trần Thị Huyền Trang	16/09/94	Nữ	Huyện Lý Nhân		2NT	24.41. 10015	D340404	4.50	4.75	5.50	14.75	15.00	TT
29	HCB.A01033	Trần Quốc Trường	23/11/94		Huyện Lý Nhân		2NT	24.24. 00000	D340404	7.00	4.00	3.50	14.50	14.50	TT

Cộng ngành D340404 : 29 thí sinh

36

CỘNG TRƯỜNG DLXA : 111 THÍ SINH

NGƯỜI LẬP BIỂU

[Signature]
Nguyễn Thị Diệu

NGÀY 16 THÁNG 10 NĂM 2012

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH *mt*



Q. HIỆU TRƯỞNG

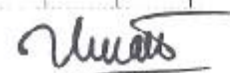
PGS.TS. NGUYỄN THỊ THUẬN



TRƯỜNG DLX C TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI (XÉT TUYỂN BỔ SUNG LẦN 3)

* Ngành D340404 Đại học Quản trị nhân lực

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
1	CSH.C02183	Lương Đức Anh	23/04/88		Quận Hà Đông	03	3	01. . 02410	D340404	5.50	6.00	5.25	16.75	17.00	TT
2	TGC.C00367	Trần Mai Anh	03/04/94	Nữ	Huyện Đại Từ		1	12.35. 00633	D340404	6.50	5.00	8.25	19.75	20.00	TT
3	CSH.C02744	Đặng Quốc Bảo	02/08/93		Thị xã Phú Thọ		2NT	15.15. 00000	D340404	5.00	5.50	8.00	18.50	18.50	TT
4	CSH.C02986	Dương Văn Cấn	20/10/93		Thị xã Hưng Yên	04	2	22.22. 00000	D340404	4.50	6.50	6.00	17.00	17.00	TT
5	TGC.C00713	Lê Mỹ Duyên	18/02/94	Nữ	TP. Việt Trì		2	15.05. 14125	D340404	7.50	6.00	7.75	21.25	21.50	TT
6	CSH.C04132	Nguyễn Tiến Dũng	21/02/93		Huyện Kim Sơn		2NT	27.27. 00000	D340404	5.00	6.00	7.50	18.50	18.50	TT
7	LPH.C08329	Nguyễn Thị Đào	20/11/93	Nữ	Thị xã Từ Sơn		2	19.00. 00002	D340404	7.00	4.50	8.00	19.50	19.50	TT
8	CSH.C04696	Trần Ngọc Diệp	02/03/94	Nữ	Huyện Vũ Thư		2NT	26.26. 00000	D340404	5.50	5.50	6.75	17.75	18.00	TT
9	HCH.C01576	Đặng Hoàng Thu Hà	04/03/94	Nữ	Quận Ba Đình		3	1A.01. 00000	D340404	8.00	3.25	8.00	19.25	19.50	TT
10	LPH.C06717	Vũ Lê Việt Hà	30/05/94	Nữ	Huyện Xi Ma Cai		1	08.15. 00101	D340404	7.50	5.00	6.50	19.00	19.00	TT
11	LPH.C07813	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	24/12/94	Nữ	TP. Việt Trì		2	15.05. 09946	D340404	7.00	5.00	8.50	20.50	20.50	TT
12	LPH.C07015	Nguyễn Hồng Hạnh	04/07/94	Nữ	Huyện Văn Quan	01	1	10.24. 09917	D340404	7.00	2.50	7.25	16.75	17.00	TT
13	SPH.C07409	Trần Hồng Hạnh	06/02/94	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.03. 00000	D340404	6.00	7.00	7.00	20.00	20.00	TT
14	CSH.C05960	Trần Huy Hiệp	19/08/92		Huyện Vụ Bản		2NT	25. . 00378	D340404	5.50	7.50	5.75	18.75	19.00	TT
15	HCH.C01846	Hoàng Hà Phương Hoài	03/06/94	Nữ	Huyện Đông Anh		2	1A.77. 00000	D340404	7.50	4.75	6.75	19.00	19.00	TT
16	CSH.C06601	Nguyễn Quang Huy	08/09/93		Quận Ba Đình		3	01. . 02477	D340404	6.50	6.00	6.75	19.25	19.50	TT
17	LPH.C07698	Đào Thị Thu Huyền	14/04/94	Nữ	Huyện Thuận Châu		1	14.21. 00356	D340404	7.50	5.50	5.25	18.25	18.50	TT
18	HCH.C03927	Phạm Thị Huyền	08/09/94	Nữ	Thị xã Hồng Lĩnh		1	30.36. 00000	D340404	6.50	5.00	6.50	18.00	18.00	TT
19	CSH.C06914	Dương Ngọc Hùng	18/11/94		Huyện Hữu Lũng		1	10. . 00516	D340404	5.00	5.50	6.75	17.25	17.50	TT
20	CSH.C07197	Nguyễn Việt Hưng	22/08/94		Thành phố Lạng Sơn		2NT	10.00. 00094	D340404	6.50	6.00	6.00	18.50	18.50	TT
21	TGC.C01675	Đào Thị Thiên Hương	15/10/94	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	13.03. 00009	D340404	6.00	6.00	6.50	18.50	18.50	TT
22	TGC.C01898	Nguyễn Tùng Lâm	30/09/94	Nữ	Thành phố Hoà Bình		1	23.12. 00016	D340404	7.00	3.50	8.00	18.50	18.50	TT
23	SPH.C07651	Phùng Thị Lệ	04/09/94	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	16.93. 00000	D340404	6.50	6.00	7.25	19.75	20.00	TT
24	ANH.C03649	Trần Thị Thuỳ Linh	10/04/94	Nữ	Huyện Can Lộc		2	30.30. 00433	D340404	7.50	5.50	8.50	21.50	21.50	TT
25	TGC.C02119	Lê Thị Loan	28/04/94	Nữ	Huyện Hà Trung		2NT	28.71. 00487	D340404	7.00	4.50	6.25	17.75	18.00	TT
26	LPH.C07702	Nguyễn Thảo My	27/09/94	Nữ	Thị xã Sơn La		1	14.21. 00353	D340404	7.50	3.25	7.00	17.75	18.00	TT

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2012
TRƯỜNG DLX C TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI (XÉT TUYỂN BỔ SUNG LẦN 3)

* Ngành D340404 Đại học Quản trị nhân lực

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
27	TGC.C02332	Nguyễn Thị Lê	Mỹ	19/11/94	Nữ	Thành phố Bắc Ninh		2	19.09. 00025	D340404	8.00	5.50	7.00	20.50	20.50	TT
28	CSH.C09051	Bùi Xuân	Nam	06/07/92		Thành phố Hạ Long		2	17.17. 00000	D340404	6.00	7.50	6.00	19.50	19.50	TT
29	QHX.C02612	Lê Thị Quỳnh	Nga	10/12/94	Nữ	Huyện Triệu Sơn		2NT	28.60. 04811	D340404	7.50	5.00	7.25	19.75	20.00	TT
30	QHX.C02648	Trần Thị Thanh	Nga	15/05/94	Nữ	Huyện Đan Phượng		2NT	1B.41. 01809	D340404	7.00	4.25	6.50	17.75	18.00	TT
31	LPH.C08694	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	08/11/94	Nữ	Huyện Phù Cù		2NT	22.45. 00783	D340404	7.00	3.50	7.50	18.00	18.00	TT
32	HCH.C02524	Ninh Thị	Ngọc	13/07/94	Nữ	Thành phố Hoà Bình		1	23.15. 00000	D340404	5.50	4.00	7.75	17.25	17.50	TT
33	SPH.C08540	Trần Thị	Phấn	05/10/94	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	16.93. 00000	D340404	7.50	3.50	7.00	18.00	18.00	TT
34	SPH.C07905	Phan Thị	Phượng	16/01/94	Nữ	Huyện Từ Liêm		2	1A.53. 00091	D340404	7.50	5.00	7.50	20.00	20.00	TT
35	CSH.C09341	Đinh Thị	Phượng	19/04/94	Nữ	Huyện Yên Mô		2NT	27.27. 00000	D340404	6.00	6.00	7.25	19.25	19.50	TT
36	CSH.C09805	Hoàng	Phượng	07/12/92		Thành phố Hạ Long		2	17.17. 00000	D340404	5.00	8.50	5.25	18.75	19.00	TT
37	LPH.C10410	Lê Thị	Phượng	20/06/93	Nữ	Huyện Lạng Giang		1	99.99. 00155	D340404	6.50	4.75	7.50	18.75	19.00	TT
38	QHX.C03237	Chu Thị	Quyên	07/07/94	Nữ	Quận Hà Đông		3	1B.05. 01566	D340404	5.50	5.75	7.75	19.00	19.00	TT
39	QHX.C03328	Nguyễn Ngọc	Sáng	19/08/93		Huyện Mỹ Hào		2NT	22.52. 02878	D340404	6.50	4.75	6.50	17.75	18.00	TT
40	LPH.C08306	Thân Văn	Sâm	05/05/91		Huyện Việt Yên		2NT	18.32. 00157	D340404	6.00	5.25	8.00	19.25	19.50	TT
41	CSH.C10834	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	01/02/94	Nữ	Huyện Thạch Hà		2NT	30.00. 00608	D340404	5.50	8.00	7.00	20.50	20.50	TT
42	LPH.C06787	Hứa Minh	Tân	29/01/94		Huyện Hàm Yên	01	1	09.08. 00561	D340404	6.00	3.75	6.50	16.25	16.50	TT
43	CSH.C11400	Bùi Ngọc	Thắng	13/11/94		Thị xã Tam Điệp		1	27. . 00278	D340404	6.00	4.50	7.25	17.75	18.00	TT
44	CSH.C11390	Nguyễn Đức	Thắng	15/11/93		Thành phố Ninh Bình		2	27.27. 00000	D340404	6.50	5.00	7.75	19.25	19.50	TT
45	CSH.C11615	Nguyễn Bá	Thế	16/11/94		Huyện Quảng Ninh		2	31.31. 00000	D340404	5.00	6.50	7.75	19.25	19.50	TT
46	CSH.C11753	Vũ Ngọc	Thiện	10/01/93		Huyện Yên Mô		1	27.27. 00364	D340404	6.00	6.00	5.50	17.50	17.50	TT
47	LPH.C08458	Nguyễn Hải	Thu	07/08/94	Nữ	Thành phố Hải Dương		2	21.13. 00016	D340404	7.50	5.25	7.00	19.75	20.00	TT
48	QHX.C03896	Vũ Thị	Thủy	27/11/94	Nữ	Thành phố Thái Bình		2NT	26.47. 00000	D340404	7.00	5.00	6.50	18.50	18.50	TT
49	LPH.C08800	Nguyễn Thị	Thủy	23/01/94	Nữ	Thành phố Hoà Bình	01	1	23.15. 00104	D340404	6.50	2.25	7.25	16.00	16.00	TT
50	CSH.C12589	Nguyễn Thị Hà	Trang	03/09/93	Nữ	Huyện Kỳ Anh		1	30.30. 00000	D340404	5.00	6.50	7.75	19.25	19.50	TT
51	CSH.C13334	Mã Ngọc	Tuấn	12/12/92		Thành phố Ninh Bình		2	27.27. 00000	D340404	3.50	6.00	9.00	18.50	18.50	TT
52	CSH.C13560	Vũ Ngọc	Tuyên	08/07/93		Huyện Hậu Lộc		2NT	28.28. 00000	D340404	6.00	5.50	6.50	18.00	18.00	TT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

2012/07/10

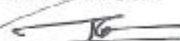
Thư

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2012
TRƯỜNG DLX C TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI (XÉT TUYỂN BỔ SUNG LẦN 3)

* Ngành D340404 Đại học Quản trị nhân lực

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	DT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
53	CSH.C13835	Triệu Khánh Tùng	25/07/93		Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.09. 00000	D340404	5.50	3.50	6.50	15.50	15.50	TT
54	QHX.C04493	Lê Thị Ưa	05/07/93	Nữ	Huyện Quế Võ		2NT	19.03. 00000	D340404	6.25	6.00	7.00	19.25	19.50	TT
55	CSH.C14460	Hoàng Minh Vũ	03/09/93		Huyện Như Thanh		1	28.00. 00550	D340404	6.50	7.00	4.75	18.25	18.50	TT
56	TGC.C04105	Thiếu Thị Yến	15/01/94	Nữ	Huyện Đông Sơn		2NT	28.68. 00470	D340404	7.00	6.50	6.00	19.50	19.50	TT

Tổng ngành D340404 : 56 thí sinh

KHOA MUA 

Q. HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. NGUYỄN THỊ THUẬN



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2012
TRƯỜNG DLX DI TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI (XÉT TUYỂN BỔ SUNG LẦN 3)

* Ngành D340404 Đại học Quản trị nhân lực

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
1	QHX.D1 00076	Nguyễn Kim Anh	91/09/3		Quận Ba Đình		3	01.A1. 00099	D340404	7.25	6.25	4.75	18.25	18.50	TT
2	TMA.D1 30233	Nguyễn Thị Lan Anh	04/07/94	Nữ	Huyện Nông Cống		2NT	28.63. 02453	D340404	7.00	4.75	2.50	14.25	14.50	TT
3	LPH.D1 13881	Nguyễn Quỳnh Anh	12/06/93	Nữ	Huyện Bình Giang		2NT	99.99. 00240	D340404	7.00	3.50	4.75	15.25	15.50	TT
4	NHF.D1 00027	Nguyễn Thanh An	26/03/94	Nữ	Huyện Từ Liêm		3	01.36. 14065	D340404	7.00	3.75	7.25	18.00	18.00	TT
5	NHF.D1 00830	Nguyễn Xuân Bách	21/07/92		Quận Ba Đình	06	3	01.06. 03824	D340404	5.50	5.50	5.75	16.75	17.00	TT
6	BKA.D1 00107	Trần Thị Ngọc Bích	23/01/94	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	16.93. 00001	D340404	7.50	5.50	2.75	15.75	16.00	TT
7	NHF.D1 09005	Phan Thuỳ Dung	01/01/94	Nữ	Quận Hồng Bàng		3	03.07. 07570	D340404	7.00	5.25	4.25	16.50	16.50	TT
8	LPH.D1 12004	Cao Trung Dũng	09/03/94		Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.01. 10019	D340404	5.50	3.00	3.50	12.00	12.00	TT
9	LPH.D1 12482	Nguyễn Thuỳ Dương	23/08/94	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17.04. 00002	D340404	7.00	7.25	2.25	16.50	16.50	TT
10	TMA.D1 30919	Dương Bích Đào	19/01/94	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.03. 01721	D340404	6.50	7.75	3.50	17.75	18.00	TT
11	LPH.D1 13236	Trương Hải Đăng	12/06/94		Thành phố Thái Bình		2	26.04. 00846	D340404	7.00	5.25	2.75	15.00	15.00	TT
12	SPH.D1 10866	Ngô Thị Định	01/04/91	Nữ	Huyện Từ Liêm		1	99. . 00000	D340404	6.50	6.00	3.25	15.75	16.00	TT
13	NHF.D1 01732	Nguyễn Thị Giang	18/06/93	Nữ	Huyện Hậu Lộc	06	2NT	99.99. 01045	D340404	6.00	5.50	4.00	15.50	15.50	TT
14	TMA.D1 31095	Đào Thị Hà	25/05/94	Nữ	Huyện Kim Thành		2NT	21.25. 01811	D340404	6.50	6.75	3.25	16.50	16.50	TT
15	LDA.D1 13795	Hoàng Thu Hà	24/12/94	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	08.10. 00028	D340404	6.50	3.50	4.50	14.50	14.50	TT
16	KHA.D1 01062	Phạm Thu Hà	21/11/93	Nữ	Huyện Từ Liêm		2	99.99. 00418	D340404	6.50	6.25	2.00	14.75	15.00	TT
17	QHX.D1 00346	Từ Thị Hà	18/05/94	Nữ	Quận Thanh Xuân		3	1A.40. 03432	D340404	7.00	8.00	3.75	18.75	19.00	TT
18	LPH.D1 13617	Lê Thị Mỹ Hạnh	12/10/94	Nữ	Huyện Yên Định		2NT	28.94. 01096	D340404	7.50	6.00	3.75	17.25	17.50	TT
19	LPH.D1 12903	Lê Thị Hồng Hạnh	03/01/94	Nữ	Huyện Mỹ Hào		2NT	22.49. 00317	D340404	6.50	4.25	6.50	17.25	17.50	TT
20	TMA.D1 31372	Cao Thị Minh Hằng	18/04/94	Nữ	Huyện Giao Thủy		2NT	25.29. 01915	D340404	6.00	7.25	4.00	17.25	17.50	TT
21	LPH.D1 12485	Ngô Thu Hằng	19/09/94	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17.04. 00003	D340404	7.00	4.50	3.50	15.00	15.00	TT
22	HQT.D1 03012	Nguyễn Đức Hiếu	16/03/94		Quận Tây Hồ		3	01.02. 00622	D340404	4.50	7.25	5.25	17.00	17.00	TT
23	TGC.D1 05424	Vũ Thị Hiền	10/08/94	Nữ	Huyện Vũ Thư		2NT	26.33. 00241	D340404	7.50	3.25	3.75	14.50	14.50	TT
24	TMA.D1 31679	Đinh Phương Hoa	19/08/94	Nữ	Quận Ba Đình		3	01.32. 04760	D340404	9.00	1.75	5.50	16.25	16.50	TT
25	TGC.D1 05468	Nguyễn Thị Thuý Hoa	01/08/93	Nữ	TP.Thái Nguyên		2	12.00. 00282	D340404	6.00	4.75	5.25	16.00	16.00	TT
26	LPH.D1 12030	Đổng Mạnh Hoàng	10/02/94		Huyện Cao Lộc	01	1	10.02. 10052	D340404	5.75	3.50	5.75	15.00	15.00	TT

Lưu ý: mìn

Quản



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2012
TRƯỜNG DLX DI TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI (XÉT TUYỂN BỔ SUNG LẦN 3)

* Ngành D340404 Đại học Quản trị nhân lực

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
27	ANH.D105151	Nguyễn Huy	Hoàng	07/04/93		Quận Thanh Xuân		2NT	01. . 00000	D340404	6.00	4.25	4.00	14.25	14.50	TT
28	HQT.D103073	Phùng Việt	Hoàng	15/11/94		Quận Cầu Giấy		3	01.39. 00745	D340404	2.50	8.50	5.50	16.50	16.50	TT
29	TGC.D105614	Nguyễn Thị	Huyền	18/12/94	Nữ	Huyện Hậu Lộc	06	2NT	28.24. 00171	D340404	7.50	4.00	4.25	15.75	16.00	TT
30	CSH.D114707	Trịnh Đỗ	Hùng	03/01/94		Thành phố Lào Cai		1	08. . 00145	D340404	6.00	5.25	4.00	15.25	15.50	TT
31	SGD.D132963	Đoàn Thị	Hương	30/01/93	Nữ	Huyện Kim Sơn		2NT	98.05. 00130	D340404	6.25	4.75	5.50	16.50	16.50	TT
32	TGC.D105680	Nguyễn Thị Lan	Hương	03/11/94	Nữ	Thành phố Hoà Bình		1	23.15. 00047	D340404	7.00	3.00	4.75	14.75	15.00	TT
33	TGC.D105773	Đào Thu	Lan	09/10/94	Nữ	Quận Cầu Giấy		3	1A.29. 00000	D340404	5.50	7.00	4.75	17.25	17.50	TT
34	NHF.D104158	Hoàng Phương	Linh	20/09/94	Nữ	Quận Long Biên		3	01.48. 15104	D340404	7.50	2.50	7.00	17.00	17.00	TT
35	LPH.D111440	Nguyễn Thuỳ	Linh	01/02/94	Nữ	Huyện Thanh Trì		2	01.65. 00173	D340404	6.50	6.50	3.50	16.50	16.50	TT
36	LDA.D115526	Nguyễn Tuấn	Linh	21/01/94		Quận Đống Đa	04	3	01.18. 02130	D340404	5.50	4.75	3.00	13.25	13.50	TT
37	TMA.D132774	Nguyễn Hà	Linh	15/04/93	Nữ	Huyện Quảng Trạch		2NT	31.18. 00061	D340404	6.00	4.75	4.00	14.75	15.00	TT
38	NHF.D103968	Trần Mỹ	Linh	07/10/93	Nữ	Quận Hoàn Kiếm		3	01.10. 04210	D340404	7.50	3.50	6.00	17.00	17.00	TT
39	HCH.D104484	Vũ Khánh	Linh	09/10/94	Nữ	Quận Hoàng Mai		3	1A.36. 00460	D340404	7.00	6.50	2.25	15.75	16.00	TT
40	QHX.D103140	Phạm Thị Kim	Loan	20/04/94	Nữ	Quận Tây Hồ	06	3	1A.02. 03071	D340404	7.00	5.50	3.00	15.50	15.50	TT
41	LPH.D113069	Vũ Quỳnh	Mai	13/02/94	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.04. 04016	D340404	7.75	4.00	3.50	15.25	15.50	TT
42	LPH.D101338	Quản Đức	Minh	09/01/94		Quận Long Biên		3	1A.48. 00000	D340404	6.50	4.75	4.00	15.25	15.50	TT
43	DCN.D108193	Trần Thị Trà	My	20/01/94	Nữ	Quận Cầu Giấy		2	1A.54. 00267	D340404	3.50	6.00	5.75	15.25	15.50	TT
44	TMA.D133483	Phùng Thị Hằng	Nga	17/08/93	Nữ	TP. Việt Trì		2	15.00. 00552	D340404	6.50	3.00	5.50	15.00	15.00	TT
45	NHF.D105365	Chữ Thị Bích	Ngọc	03/06/94	Nữ	Quận Thanh Xuân		3	01.37. 14141	D340404	7.50	4.25	6.00	17.75	18.00	TT
46	KHA.D103172	Nguyễn Tuấn	Ngọc	13/12/93		Huyện Đông Anh		2	01.79. 00900	D340404	4.50	8.75	3.50	16.75	17.00	TT
47	NHF.D105812	Ngô Thị Kim	Oanh	13/01/93	Nữ	Thành phố Bắc Ninh		2NT	19.00. 09548	D340404	6.00	5.75	2.50	14.25	14.50	TT
48	QHF.D104258	Nguyễn Thị	Phương	05/02/93	Nữ	Huyện Đông Sơn		2	99.99. 00544	D340404	7.50	3.00	4.25	14.75	15.00	TT
49	TGC.D107817	Lương Thị	Soa	02/10/94	Nữ	Huyện Nghi Lộc		2NT	29.85. 00000	D340404	6.50	4.00	4.00	14.50	14.50	TT
50	NHF.D107074	Đỗ Thị	Thơm	10/03/94	Nữ	Huyện Bình Lục		2NT	24.61. 10901	D340404	6.00	5.00	4.75	15.75	16.00	TT
51	QHF.D105321	Nguyễn Thị	Thủy	02/02/93	Nữ	Huyện Yên Phong		2NT	99.99. 00005	D340404	7.75	4.75	3.75	16.25	16.50	TT
52	CSH.D114858	Lê Mạnh	Toàn	03/12/94		Thành phố Ninh Bình		2	27. . 00155	D340404	5.00	5.75	6.25	17.00	17.00	TT

ĐẠI HỌC
LAO ĐỘNG
XÃ HỘI

Nguyễn Văn Minh

Nguyễn Văn Hùng

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2012
TRƯỜNG DLX DI TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI (XÉT TUYỂN BỔ SUNG LẦN3)

* Ngành D340404 Đại học Quản trị nhân lực

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
53	KHA.D104512	Nguyễn Thị Trang	26/09/92	Nữ	Huyện Từ Liêm		1	99.99. 00429	D340404	5.00	4.25	4.75	14.00	14.00	TT
54	NHF.D107681	Nguyễn Thu Trang	31/03/94	Nữ	Huyện Từ Liêm		2	01.29. 13485	D340404	6.00	4.25	7.25	17.50	17.50	TT
55	BKA.D101302	Trương Thị Thu Trang	26/12/94	Nữ	Thành phố Hà Long		2	17.04. 00006	D340404	7.50	7.00	4.00	18.50	18.50	TT
56	NHF.D108065	Nguyễn Sơn Trà	06/06/94	Nữ	Quận Long Biên		3	01.48. 15105	D340404	7.00	4.75	6.00	17.75	18.00	TT
57	TGC.D107310	Nguyễn Thanh Tùng	20/03/94		Huyện Từ Liêm		2	1A.52. 00000	D340404	8.00	3.25	6.50	17.75	18.00	TT
58	NHF.D108557	Lê Thuý Vân	15/12/94	Nữ	Huyện Từ Liêm		2	01.53. 15297	D340404	7.00	3.75	5.75	16.50	16.50	TT

Cộng ngành D340404 : 58 thí sinh

20/10/2012



Q. HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. NGUYỄN THỊ THUẬN



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2012
TRƯỜNG DLX DI TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI (XÉT TUYỂN BỔ SUNG LẦN3)

* Ngành D340404 Đại học Quản trị nhân lực

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
53	KHA.D104512	Nguyễn Thị Trang	26/09/92	Nữ	Huyện Từ Liêm		1	99.99. 00429	D340404	5.00	4.25	4.75	14.00	14.00	TT
54	NHF.D107681	Nguyễn Thu Trang	31/03/94	Nữ	Huyện Từ Liêm		2	01.29. 13485	D340404	6.00	4.25	7.25	17.50	17.50	TT
55	BKA.D101302	Trương Thị Thu Trang	26/12/94	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17.04. 00006	D340404	7.50	7.00	4.00	18.50	18.50	TT
56	NHF.D108065	Nguyễn Sơn Trà	06/06/94	Nữ	Quận Long Biên		3	01.48. 15105	D340404	7.00	4.75	6.00	17.75	18.00	TT
57	TGC.D107310	Nguyễn Thanh Tùng	20/03/94		Huyện Từ Liêm		2	1A.52. 00000	D340404	8.00	3.25	6.50	17.75	18.00	TT
58	NHF.D108557	Lê Thuý Vân	15/12/94	Nữ	Huyện Từ Liêm		2	01.53. 15297	D340404	7.00	3.75	5.75	16.50	16.50	TT

Cộng ngành D340404 : 58 thí sinh

20/10/2012 mlu



Q. HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. NGUYỄN THỊ THUẬN



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2012

TRƯỜNG DLX D1 TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI (DS BỔ SUNG XÉT TUYỂN LẦN 3)

* Ngành D340404 Đại học Quản trị nhân lực

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
1	QHX.D2.00302	Lê Thị Hoàng Hương	01/09/93	Nữ	Huyện Đồng Hỷ		1	12. . 00099	D340404	6.00	5.75	2.75	14.50	14.50	TT

Cộng ngành D340404: 1 thí sinh

Lê Thị Hoàng Hương

mmlr

Vương